

THỜI KHÓA BIỂU CÁC LỚP K18
(Từ ngày 04/05/2026 đến ngày 10/05/2026)

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
I. LỊCH HỌC CÁC LỚP CHUYÊN MÔN															
ATQ02-K18	Sáng	Ngữ pháp Tiếng TQ 2 (52/75)	2-5	KN Nói tiếng TQ 2 (36/45)	2-5	Thi KN Đọc Tiếng TQ 2	7h30-9h	Tin học (40/75)	7h30-11h40	KN Viết Tiếng TQ 2 (32/45)	2-5				
		Cô Lan	402B	Cô Lan	402B		404A		406A	Cô Lan	402B				
	Chiều	KN Nghe tiếng TQ 2 (36/45)	6-9			KN Đọc Tiếng TQ 2 (32/45)	6-9								
		Cô Thảo	402B			Cô Thảo	404A								
ATQ03-K18	Sáng					Thi KN Đọc Tiếng TQ 2	7h30-9h	Tin học (40/75)	7h30-11h40						
							404A		406A						
	Chiều	Ngữ pháp Tiếng TQ 2 (52/75)	6-9	KN Nói tiếng TQ 2 (36/45)	6-9	KN Đọc Tiếng TQ 2 (32/45)	6-9	KN Nghe tiếng TQ 2 (36/45)	6-9	KN Viết Tiếng TQ 2 (32/45)	6-9				
		Cô Lan	403B	Cô Lan	403B	Cô Thảo	404A	Cô Thảo	403B	Cô Lan	403B				
ATQ04-K18	Sáng					Thi KN Đọc Tiếng TQ 2	7h30-9h	Tin học (40/75)	7h30-11h40						
							404A		406A						
	Chiều	Ngữ pháp Tiếng TQ 2 (52/75)	6-9	KN Nói tiếng TQ 2 (36/45)	6-9	KN Đọc Tiếng TQ 2 (32/45)	6-9	KN Nghe tiếng TQ 2 (36/45)	6-9	KN Viết Tiếng TQ 2 (32/45)	6-9				
		Cô Lan	403B	Cô Lan	403B	Cô Thảo	404A	Cô Thảo	403B	Cô Lan	403B				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
ATH02-K18	Sáng			Thi KN viết 2, ngữ pháp 2	9h30-11h30	Kỹ năng Đọc Tiếng HQ 2 (40/45)	7h30-9h	Tin học (40/75)	7h30-11h40	Ngữ pháp Tiếng HQ 3 (4/60)	2-5	Ngữ pháp Tiếng HQ 3 (8/60)	2-5		
					401B	Cô Ngọc	403A		406A	Cô Ngọc	403A	Cô Ngọc	403A		
	Chiều	Thi KN Nói tiếng HQ2	13h00					Thi KN đọc 2, nghe 2	13h-16h						
		Cô Thơ	403A						502B						
YTQ05-K18	Sáng			KN Nghe Tiếng TQ 2	1-3	KN Nói Tiếng TQ 2	1-3	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5		
				Thanh Hoài	301D	Như Quỳnh	301D	Hồng Diễm	301D	Phương Huyền	301D	Phương Huyền	301D		
	Chiều	Tin Học	6-10												
		Thu Hiền	202D												
YTQ06-K18	Sáng														
	Chiều	Tin Học	6-10	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8	KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	6-10	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8		
		Thu Hiền	502A	Lê Nhung	301D	Thanh Hoài	301D	Thanh Xuân	301D	Thanh Xuân	301D	Lê Nhung	301D		

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YTQ07-K18	Sáng	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	1-3			KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	1-3		
		Lê Nhung	301D			Thanh Hoài	302D	Thanh Xuân	302D	Thanh Xuân	302D	Lê Nhung	302D		
	Chiều	Tin Học	6-10												
		Thu Hiền	502A												
YTQ08-K18	Sáng							Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3						
								Thanh Hoài	304D						
	Chiều	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8			Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	6-10	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Tin Học	6-10	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8		
		Hồng Diễm	301D			Như Quỳnh	302D	Như Quỳnh	304D		202D	Hồng Diễm	302D		
YTQ09-K18	Sáng			Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5										
				Lê Nhung	302D										
	Chiều	KN Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8			Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Tin Học	6-10	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8		
		Thanh Xuân	304D			Lê Nhung	304D	Thanh Hoài	302D		502A	Thanh Xuân	304D		

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YTQ10-K18	Sáng					Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	1-3			Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	1-3		
						Thanh Xuân	304D			Lê Nhung	304D	Thanh Xuân	304D		
	Chiều			Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	6-8			Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8						
				Thanh Hoài	302D			Lê Nhung	401D						
YTQ11-K18	Sáng			KN Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3	KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5				
				Như Quỳnh	304D	Minh Thuý	401D	Phương Huyền	401D	Như Quỳnh	401D				
	Chiều									Tin Học	6-10	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8		
										Kim Tuyền		Phương Huyền	401D		
YTQ12-K18	Sáng	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5					Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3			KN Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3		
		Như Quỳnh	302D					Như Quỳnh	402D			Minh Thuý	401D		
	Chiều					Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Tin Học	6-10	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8				
						Phương Huyền	401D	Phương Thảo	202D	Phương Huyền	302D				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YTQ13-K18	Sáng	Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3					Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5		
		Khánh Ly	304D	Thanh Thảo	401D					Khánh Ly	402D	Thanh Thảo	402D		
	Chiều			Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8			Tin Học	6-10						
				Thanh Xuân	304D			Phương Thảo	502A						
YTQ14-K18	Sáng	Tin Học	1-5			Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5						
		P.Thảo	202D			Hồng Diễm	402D	Thanh Thảo	404D						
	Chiều	KN Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	6-8					Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8				
		Thanh Thảo	302D	Khánh Ly	401D					Khánh Ly	304D				
YTQ15-K18	Sáng	Tin Học	1-5	Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	1-5	Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	1-3	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	1-3				
		P.Thảo	502A	Khánh Ly	402D	Thanh Thảo	404D	Khánh Ly	204D	Thanh Thảo	404D				
	Chiều			Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8										
				Hồng Diễm	402D										

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YTQ16-K18	Sáng			Tin Học	1-5	Kỹ Năng Nghe Tiếng Trung Quốc 2	1-3								
				Kim Tuyến	502A	Khánh Ly	203D								
	Chiều			Ngữ Pháp Tiếng Trung Quốc 2	6-10	Kỹ Năng Viết Tiếng Trung Quốc 2	6-8	Kỹ Năng Đọc Tiếng Trung Quốc 2	6-8			Kỹ Năng Nói Tiếng Trung Quốc 2	6-8		
				Thanh Thảo	404D	Thanh Thảo	402D	Hồng Diễm	402D			Khánh ly	402D		
ĐCN02-K18	Sáng														
	Chiều	Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN			
AĐT02-K18	Sáng	Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN			
	Chiều														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
ADCN02-K18	Sáng	Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN			
	Chiều														
ATĐ02-K18	Sáng	Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN			
	Chiều														
ADL02-K18	Sáng	Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN		Thực tập NN			
	Chiều														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
ACB02-K18	Sáng			Kỹ thuật Chế biến món Á 90/135	1-5										
				C. Trang	PTH - T6										
	Chiều	Tổ chức sự kiện 25/30	6-10	Khoa triển khai Kế hoạch học tập	13h00	Tiếng Anh Cơ bản 2	6-10			Tin học (45/75)	6-10				
		C. Mơ	501B		502B	C. Thắng	501B				407A				
ACB03-K18	Chiều			Kỹ thuật Chế biến món Á 90/135	1-5										
				C. Trang	PTH - T6										
	Tối	Tổ chức sự kiện 25/30	6-10	Khoa triển khai Kế hoạch học tập	13h00	Tiếng Anh Cơ bản 2	6-10			Tin học (45/75)	6-10				
		C. Mơ	501B		502B	C. Thắng	501B				407A				
AKS02-K18	Sáng														
	Chiều			Khoa triển khai Kế hoạch học tập	13h00	TH Nghiệp vụ nhà hàng 75/90	6-10	TH Nghiệp vụ nhà hàng 80/90	6-10	Tin học (45/75)	6-10				
					502B	C. Tuyết Anh	PTH - T6	C. Tuyết Anh	PTH - T6		407A				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
AHD02-K18	Sáng														
	Chiều	Lịch sử Việt Nam 10/30	6-10	Thi Cơ sở văn hóa Việt Nam	14h00	Lịch sử Việt Nam 15/30	6-10	TH nghiệp vụ hướng dẫn 60/90	6-10	Tin học (45/75)	6-10				
		T. Phương	503B		503B	T. Phương	503B	C. Giang	503B		407A				
CB02-K18TC	Sáng	Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa					
	Chiều			Tin học	13h30										
					202D										
OT02,03,04-K18	Sáng														
	Chiều			BD&SC HT điện thân xe ô tô (80/90)	Tiết 6-10	BD&SC HT điện thân xe ô tô (85/90)	Tiết 6-10	BD&SC HT điện thân xe ô tô (90/90)	Tiết 6-10	BD&SC HT phun xăng điện tử (EFI) (30/75)	Tiết 6-10				
				Thầy Dũng	PTH 01	Thầy Dũng	PTH 01	Thầy Dũng	PTH 01	Thầy Tuyên	PTH 01				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
AOT02,03-K18	Sáng	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (60/90)	Tiết 1-5	Tin học (40/60)	Tiết 1-5	GDTC (40/60)	Tiết 1-5	GDTC (45/60)	Tiết 1-5	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (65/90)	Tiết 1-5				
		Thầy Chắt	PTH 01	Cô Thủy	405A	Thầy Kiên	Sân cs1	Thầy Kiên	Sân cs1	Thầy Chắt	PTH 01				
	Chiều														
AOT04,05-K18	Sáng	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (60/90)	Tiết 1-5	Tin học (40/60)	Tiết 1-5	GDTC (40/60)	Tiết 1-5	GDTC (45/60)	Tiết 1-5	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong (65/90)	Tiết 1-5				
		Thầy Chắt	PTH 01	Cô Thủy	405A	Thầy Kiên	Sân cs1	Thầy Kiên	Sân cs1	Thầy Chắt	PTH 01				
	Chiều														
YOT06-K18	Sáng	BD&SC HT nhiên liệu động cơ diesel (40/45)	Tiết 1-5	BD&SC HT nhiên liệu động cơ diesel (45/45)	Tiết 1-5	BD&SC HT phun xăng điện tử (EFI) (20/75)	Tiết 1-5	Tổng quan về xe ô tô điện (25/45)	Tiết 1-5	BD&SC HT điện động cơ ô tô (20/90)	Tiết 1-5				
		Thầy Dũng	PTH 02	Thầy Dũng	PTH 02	Thầy Thi	PTH 02	Thầy Chắt	PTH 02	Thầy Tuyên	PTH 02				
	Chiều														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
OT01-K18TC	Sáng	Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa					
	Chiều	BD&SC HT truyền lực và hệ thống di chuyển trên ô tô (50/90)	13h30	Tin học (35/45)	13h30	BD&SC HT nhiên liệu động cơ diesel (30/45)	13h30	Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (45/60)	13h30	Thực hành Nguội - Hàn cơ bản (50/60)	13h30				
		Thầy Dũng	PTH 01	Cô Hiền	D202	Thầy Hải	PTH 01	Thầy Thắng	PTH hàn	Thầy Thắng	PTH hàn				
OT01-K18CLC	Sáng	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong và động cơ ô tô điện (80/90)	Tiết 1-5	BD&SC kết cấu cơ khí động cơ đốt trong và động cơ ô tô điện (85/90)	Tiết 1-5	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái ô tô (45/45)	Tiết 1-5	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ô tô (35/45)	Tiết 1-5	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô (40/45)	Tiết 1-5				
		Thầy Trường	Trung tâm EAC	Thầy Trường	Trung tâm EAC	Thầy Trường	Trung tâm EAC	Thầy Trường	Trung tâm EAC	Thầy Trường	Trung tâm EAC				
	Chiều														
ATT02,03-K18	Sáng									Tin học (45/75)	1'-5				
										Cô Hà	406A				
	Chiều	Bảo trì sửa chữa MT (20/30)	6-10	Thi HTML/CSS	13h30	Hệ điều hành (10/30)	6-10	Mạng máy tính cơ bản (30/45)	6-10	Hệ điều hành (15/30)	6-10				
		Thầy Tân	401B	Thầy Ninh	407A	Thầy Hiền	401B	Thầy Kiên	401B	Thầy Hiền	401B				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
AĐH02-K18	Sáng					Kỹ thuật nhiếp ảnh (5/60)	1-5			Tin học (45/75)	1'-5				
						Thầy Thành	403B			Cô Hà	406A				
	Chiều	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (35/60)	6-10	Khoa học màu sắc (5/60)	6-10	Kỹ thuật nhiếp ảnh (10/60)	;6-10	Tiếng anh cơ bản 2 (45/60)	6-10	Thi sáng tạo quảng cáo	13h30				
		Cô Thu	407A	Cô Vân	405A	Thầy Thành	402B	Cô Liễu	402B		402A				
ATM02-K18	Sáng									Tin học (45/75)	1'-5				
										Cô Hà	406A				
	Chiều	Maketing công nghệ số (55/60)	6-10	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (30/60)	6-10	Nguyên lý kế toán (50/60)	6-10	Tiếng anh cơ bản 2 (45/60)	6-10	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (35/60)	6-10				
		Cô Lan Anh	405A	Cô Thu	406A	Thầy Kết	403B	Cô Liễu	402B	Cô Thu	406A				
TT02-K18TC	Sáng	Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa		Học văn hóa					
	Chiều			Kỹ năng xây dựng kế hoạch (35/45)	13h30	Lập trình JavaScript (5/60)	13h30	Bảo trì và xử lý sự cố máy tính (15/30)	13h30	Lập trình JavaScript (5/60)	13h30				
				Cô Hay	10T1	Cô Hiền	202D	Thầy Tùng	10T1	Cô Hiền	502A				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
AKT02-K18	Sáng	Tin học (45/75)	7h30-11h40	Kế toán tài chính 1 (75/90)	7h30-11h40	Kế toán tài chính 1 (80/90)	7h30-11h40	Toán tài chính (5/45)	7h30-11h40	Toán tài chính (10/45)	7h30-11h40				
			405A	Thầy Kết	403B	Thầy Kết	401B	Cô Hải Hà	401B	Cô Hải Hà	403B				
	Chiều	Kế toán tài chính 1 (70/90)	13h-17h10			Kế toán tài chính 1 (85/90)	13h-17h10	Kế toán tài chính 1 (90/90)	13h-17h10						
		Thầy Kết	BT tự học			Thầy Kết	BT tự học	Thầy Kết	306A-2						
AQT02-K18	Sáng	Tin học (45/75)	7h30-11h40												
			405A												
	Chiều	NV kinh doanh ngoại thương (30/60)	13h-17h10			Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương (35/60)	13h-17h10	Quản trị tác nghiệp (5/60)	13h-17h10	Quản trị bán hàng (5/60)	13h-17h10				
		Cô Tâm	401A			Cô Tâm	401A	Cô Hằng	401A	Cô Hải Hà	401A				
AMK02-K18	Sáng	Tin học (45/75)	7h30-11h40	Thi quản trị MKT, truyền thông MKT	8h30-11h	Quản trị kênh phân phối (60/60)	7h30-11h40								
			405A		501B	Cô Phương	402B								
	Chiều							Quản trị tác nghiệp (5/60)	13h-17h10	Quản trị bán hàng (5/60)	13h-17h10				
								Cô Hằng	404A	Cô Hải Hà	402B				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
ALG02-K18	Sáng	Tin học (45/75)	7h30-11h40			Quản trị kênh phân phối (60/60)	7h30-11h40								
			405A			Cô Phương	402B								
	Chiều	E-Logistics (45/60)	13h-17h10	E-Logistics (50/60)	13h-17h10	E-Logistics (55/60)	13h-17h10	Quản trị tác nghiệp (5/60)	13h-17h10	E-Logistics (60/60)	13h-17h10				
		Cô Hạnh	306A-2	Cô Hạnh	401A	Cô Hạnh	306A-2	Cô Hằng	404A	Cô Hạnh	501B				
BRH01-K18	Sáng	Phối hợp lâm sàng 1 (114/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (117/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (120/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (123/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (126/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Vật liệu phục hình răng (15/75)	7h30 - 11h45	Phối hợp lâm sàng 1 (129/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45
		CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	BS. Đào Linh Chi	202B tòa 2 MD	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân
	Chiều	Phối hợp lâm sàng 1 (114/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (117/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (120/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (123/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (126/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	KT phục hình cố định 1: răng chốt, cùi giả, inlay - onlay (5/75)	13h00 - 17h15	Phối hợp lâm sàng 1 (129/135) - Nhóm 3	13h45-16h30
		CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân	BSCKI. Vũ Thị Thu Trang	202B tòa 2 MD	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty Hùng Hân

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
BRH02-K18	Sáng	Phối hợp lâm sàng 1 (114/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (117/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (120/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (123/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	Phối hợp lâm sàng 1 (126/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45	KT phục hình cố định 1: răng chót, cùi giả, inlay - onlay (5/75)	13h00 - 17h15	Phối hợp lâm sàng 1 (129/135) - Nhóm 1,2	7h30-13h45
		CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	BSCKI. Vũ Thị Thu Trang	202B tòa 2 MD	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental
	Chiều	Phối hợp lâm sàng 1 (114/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (117/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (120/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (123/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Phối hợp lâm sàng 1 (126/135) - Nhóm 3	13h45-16h30	Vật liệu phục hình răng (15/75)	13h00 - 17h15	Phối hợp lâm sàng 1 (129/135) - Nhóm 3	13h45-16h30
		CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental	BS. Đào Linh Chi	202B tòa 2 MD	CN. Nguyễn Thị Mỹ Dung	Công ty TNHH TTL Dental
BRH03-K18	Sáng					Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe (25/45)	7h30 - 11h45					Tin học (30/75)	7h30 - 11h45		
						CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202A tòa 2 MD					CN. Nguyễn Đức Anh	202A tòa 2 MD		
	Chiều					Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe (30/45)	13h00 - 17h15	Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15	Giải phẫu hệ thống Đầu mặt cổ (5/45)	13h00 - 17h15			Cấp cứu ban đầu - Sự cố y khoa (20/60)	13h00 - 17h15
						CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202A tòa 2 MD	Ths. Vũ Thị Bình	202 tòa 2 MD	Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền	958 6608 1996 pass: 641438			Ths. Nguyễn Thị Duyên	202A tòa 2 MD

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
ADD02-K18	Sáng					Điều dưỡng cơ bản 1 (5/60)	7h30 - 11h45					Tin học (30/75)	7h30 - 11h45		
						Ths. Nguyễn Thị Dung	Hội trường Bệnh viện Minh An					CN. Nguyễn Đức Anh	958 6608 1996 pass: 641438		
	Chiều			Giáo dục chính trị (20/75)	13h00 - 17h15			Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15			Tiếng Anh chuyên ngành (5/45)	13h00 - 17h15		
				Ths. Nguyễn Văn Trường	958 6608 1996 pass: 641438			Ths. Vũ Thị Bình	958 6608 1996 pass: 641438			Ths. Vũ Thị Bình	958 6608 1996 pass: 641438		
BYS02-K18	Sáng									Kỹ năng GT và Giáo dục sức khỏe (25/55)	7h30 - 11h45	Tin học (30/75)	7h30 - 11h45	Tiếng Anh chuyên ngành (5/60)	7h30 - 11h45
										CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD	CN. Nguyễn Đức Anh	202A tòa 2MD	CN. Hoàng Thị Ngọc	201A tòa 2MD
	Chiều							Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15	Kỹ năng GT và Giáo dục sức khỏe (30/55)	13h00 - 17h15				
								Ths. Vũ Thị Bình	202 tòa 2MD	CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD				

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
BYH02-K18	Sáng	GT,GD sức khỏe trong TH y khoa (25/30)	7h30 - 11h45									Tin học (30/75)	7h30 - 11h45	Vật lý đại cương – lý sinh (45/45)	7h30 - 11h45
		CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD									CN. Nguyễn Đức Anh	202A tòa 2MD	CN. Nguyễn Thị Thu Trang	202A tòa 2MD
	Chiều	GT,GD sức khỏe trong TH y khoa (30/30)	13h00 - 17h15					Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15					Tiếng Anh chuyên ngành (5/45)	13h00 - 17h15
		CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD					Ths. Vũ Thị Bình	202 tòa 2MD					CN. Hoàng Thị Ngọc	202A tòa 2MD
BSĐ02-K18	Sáng			Kỹ năng Giao tiếp (25/45)	7h30 - 11h45							Tin học (30/75)	7h30 - 11h45		
				CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD							CN. Nguyễn Đức Anh	202A tòa 2MD		
	Chiều			Kỹ năng Giao tiếp (30/45)	13h00 - 17h15			Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15						
				CN. Hoàng Thị Huyền Trang	202 tòa 2MD			Ths. Vũ Thị Bình	202 tòa 2MD						

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
BD02-K18	Sáng											Tin học (30/75)	7h30 - 11h45	Hóa học vô cơ - hữu cơ (30/45)	7h30 - 11h45
												CN. Nguyễn Đức Anh	202A tòa 2MD	Ths. Nguyễn Thị Duyên	PTH hóa cs1
	Chiều							Tiếng Anh cơ bản 2 (60/60)	13h00 - 17h15			Tiếng Anh chuyên ngành (5/45)	13h00 - 17h15	Hóa học vô cơ - hữu cơ (35/45)	13h00 - 17h15
								Ths. Vũ Thị Bình	202 tòa 2MD			Ths. Vũ Thị Bình	202A tòa 2MD	Ths. Nguyễn Thị Duyên	PTH hóa cs1
TQ02-K18TX	Tối					Ngữ pháp tiếng Trung Quốc 3 (50/75)	19h30			Đọc- Viết tiếng Trung Quốc 3 (35/90)	19h30			Nghe- Nói tiếng Trung Quốc 3 (25/90)	19h30
						Cô Thảo	Online GGMeet			Cô Mai	Online GGMeet			Cô Thảo	Online GGMeet
	Chiều														
YĐT01-K18	Sáng														
	Tối														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YĐCN01-K18	Sáng														
	Tối														
YĐCN01-K18LT	Sáng														
	Tối														
YĐT02-K18	Sáng														
	Tối														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
YDCN02-K18	Sáng														
	Tối														
CB01-K18CLC	Sáng	TT cơ sở		TT cơ sở		TT cơ sở		TT cơ sở		TT cơ sở		TT cơ sở			
	Chiều														
CB02-K18CLC	Sáng	Kỹ thuật chế biến món Á 120/135	1-5	Nghịệp vụ nhà hàng 75/75	1-5	Sinh lý dinh dưỡng	1-5	Kỹ thuật chế biến món Á 125/135	1-5						
		C. Trang	PTH - T6	C. Tuyết Anh	PTH - T6	T. Hung	PTH - T6	C. Trang	PTH - T6						
	Chiều	Sinh lý dinh dưỡng	6-10			Tiếng Anh cơ bản 2	6-10	Tin học	6-10	Tin học	6-10				
		T. Hung	PTH - T6				501B		406A		407A				
	Tối														

Tên lớp	Buổi	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
		Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết	Môn học	Tiết
DOT01-K18	Sáng														
	Chiều	BD và SC Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel (10/45)	6-10	BD và SC Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel (15/45)	6-10	BD và SC Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel (20/45)	6-10	BD và SC Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel (25/45)	6-10	BD và SC Hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel (30/45)	6-10				
		Cô Huế	P507	Cô Huế	P507	Cô Huế	P507	Cô Huế	P507	Cô Huế	P507				
DMK01-K18	Sáng	Giao tiếp trong quản trị (25/52)	1-5	Giao tiếp trong quản trị (30/52)	1-5	Giao tiếp trong quản trị (35/52)	1-5	Giao tiếp trong quản trị (40/52)	1-5	Giao tiếp trong quản trị (45/52)	1-5				
		Cô Thảo	P507	Cô Thảo	P507	Cô Thảo	P507	Cô Thảo	P507	Cô Thảo	P507				
	Chiều														
YDH01-K18	Sáng	Thiết kế hình ảnh với photoshop (40/60)	Tiết (1-4)			Thiết kế hình ảnh với photoshop (44/60)	Tiết (1-4)			Thiết kế hình ảnh với photoshop (48/60)	Tiết (1-4)				
			Lab 1				Lab 1				Lab 1				
	Chiều														